

BÀI 3: VẼ ĐẸP QUÊ HƯƠNG (14 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7 tiết; Viết: 4 tiết;
Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.
- Lựa chọn được từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB.
- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát; trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- Yêu vẽ đẹp quê hương.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp đàm thoại gợi mở để giải thích ngắn gọn về thể loại lục bát, cách làm bài thơ lục bát, cách viết đoạn văn, cách lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB. Trong quá trình giải thích, cần kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.
- Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến; tổ chức cho HS thực hành vận dụng kiến thức và kỹ năng.
- Ngoài ra GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi giải quyết vấn đề và một số kỹ thuật như sơ đồ, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và một số đơn vị kiến thức liên quan đến tiếng Việt.

2. Phương tiện dạy học

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh liên quan đến bài học.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu VB đọc hoặc VB mẫu khi dạy viết.
- Giấy A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi sau khi đọc trong SGK thành phiếu học tập.
- Mô hình thể thơ lục bát.

– Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể nêu câu hỏi mà SGK đã nêu hoặc dùng âm thanh, hình ảnh, câu hỏi khơi gợi kiến thức nền của HS về những gì HS đã trải qua: một ấn tượng, một kỉ niệm về quê hương hoặc yêu cầu HS đem một bức ảnh đẹp về quê hương đến lớp, chia sẻ ngắn với các bạn trong nhóm. Sau đó, GV nêu câu hỏi lớn của bài học để HS suy ngẫm. Câu hỏi lớn là câu hỏi gắn chủ điểm chính của bài học, bao quát chủ điểm của các VB trong bài học, đồng thời gắn với những vấn đề của đời sống, gợi ra những cuộc đối thoại mở, nhiều khi không có đáp án, ... Do đó, ở bước này, GV chỉ nêu câu hỏi lớn để HS suy ngẫm, chứ không chốt đáp án. Cuối bài, trong phần *Ôn tập*, GV nêu lại câu hỏi lớn để HS tự nêu câu trả lời.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Tri thức đọc hiểu

Trong bài học này, *Tri thức đọc hiểu* cần được dạy ở tiết đầu tiên khi học *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương*.

GV nên trình bày một đến hai cặp câu lục bát trên bảng đen/ bảng phụ/ máy chiếu, sau đó, dùng mô hình để vừa giảng giải, vừa nêu câu hỏi giúp HS nhận biết các đặc điểm của thơ lục bát về số tiếng, số dòng, cách gieo vần, ngắt nhịp, thanh điệu.

Ví dụ:

Chân trời sáng tạo

*Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.*

Tiếng Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
lục	-	đi (bằng: thanh huyền)	-	nhớ (trắc: thanh sắc)	-	nhà (bằng: thanh huyền) (vần: a)		

bát	-	canh (bằng: thanh huyền)	-	muống (trắc: thanh sắc)	-	cà (bằng: thanh huyền) (Vần: a)	-	tương (bằng: thanh huyền) (Vần: ương)
lục	-	ai (Bằng: thanh huyền)	-	nắng (trắc: thanh sắc)	-	sương (bằng: thanh huyền) (Vần: ương)		
bát	-	ai (bằng: thanh huyền)	-	nước (trắc: thanh sắc)	-	đường (bằng: thanh huyền) (Vần: ương)	-	nao (bằng: thanh huyền)

Bài ca dao này được ngắt nhịp chủ yếu là nhịp chẵn ở cả câu lục và câu bát.

2. Tri thức tiếng Việt

Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB là nội dung kiến thức tiếng Việt chính của bài học này. Vì vậy, với nội dung này, GV có thể tổ chức dạy bằng các phương pháp như thuyết trình, dạy theo mẫu kết hợp với đàm thoại gợi mở để thông báo, phân tích, hướng dẫn HS rút ra những đơn vị kiến thức cơ bản như: (1) Lí do phải lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB; (2) Các thao tác lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB; (3) Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB. Ngoài ra, trong quá trình thực hành, GV có thể tiếp tục đặt câu hỏi, nêu vấn đề để HS suy nghĩ và củng cố về những kiến thức đã học thông qua quá trình vận dụng kiến thức vào việc giải quyết những vấn đề trong thực tiễn tiếp nhận và tạo lập VB.

Riêng nội dung tri thức tiếng Việt, GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc VB 1, 2 và 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

TÌM HIỂU KỸ NĂNG ĐỌC

1. Kỹ năng đọc theo thể loại

GV cần đọc mẫu và tổ chức cho HS đọc diễn cảm VB 1 và 2 để HS cảm nhận được thanh điệu, vần nhịp của thơ lục bát.

GV có thể giao cho mỗi nhóm hai câu thơ lục bát, sau đó, yêu cầu HS dùng các thẻ hoặc dùng phấn để xác định các đặc điểm về thanh điệu, vần điệu, cách ngắt nhịp của bài thơ. Ví dụ:

	<i>Ai</i>	<i>oi</i>	<i>về</i>	<i>miệt</i>	<i>Tháp</i>	<i>Mười</i>	
	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		
<i>Cá</i>	<i>tôm</i>	<i>săn</i>	<i>bắt,</i>	<i>lúa</i>	<i>trời</i>	<i>săn</i>	<i>ăn</i>
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	

Sau đó, GV nêu câu hỏi cho HS thảo luận:

- Dựa vào những yếu tố nào để phân biệt thể thơ lục bát với các thể thơ khác?
- Khi đọc thơ lục bát cần chú ý điều gì về thanh điệu, vần điệu và cách ngắt nhịp của bài thơ?

2. Kỹ năng tưởng tượng

Trong bài học này, GV nên tập trung vào kỹ năng tưởng tượng. Lí do là vì ngôn ngữ văn học, đặc biệt là ngôn ngữ thơ, thường rất giàu hình ảnh nên để hiểu VB, người đọc thường phải hình dung, tưởng tượng để cảm nhận rõ hơn nội dung hiện thực mà tác giả muốn chuyển tải đến người đọc.

Cách dạy:

– Trước khi tổ chức cho HS đọc hiểu bài ca dao thứ nhất, GV có thể nói cho HS biết kỹ năng tiêu điểm của bài học là tưởng tượng.

– Giải thích ngắn gọn về kỹ năng tưởng tượng.

– Chọn đọc một đoạn trong VB, làm mẫu kỹ năng tưởng tượng bằng cách nói to suy nghĩ (kỹ thuật think-aloud) của GV khi dùng kỹ năng này để HS có thể quan sát được cách thực hiện kỹ năng. Ví dụ: GV có thể chọn câu “Việt Nam đất nước ta ơi/ Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn”, GV có thể đặt câu hỏi và nói: Cặp lục bát này giúp em hình dung được gì về cảnh sắc của quê hương?. “Mênh mông” là từ láy gợi liên tưởng đến không gian rộng lớn, bao la vô tận, “biển lúa” gợi ra hình ảnh cánh đồng lúa bát ngát. Từ đó, cô/ thầy hình dung được phong cảnh những cánh đồng lúa quê hương trải dài đến vô tận, mở ra đến vô cùng.

– Cho một ví dụ khác. GV có thể chọn ngữ liệu từ các VB đọc trong SGK hoặc ngữ liệu khác ngoài SGK. Khi chọn ngữ liệu để dạy về kỹ năng hình dung, GV nên chọn những ngữ liệu giàu hình ảnh, gợi tả, gợi cảm. Sau đó, yêu cầu HS thực hiện theo cách mà GV đã làm một hoặc hai lần và tập trung nhận xét cách HS thực hiện kỹ năng.

Ví dụ: GV có thể chọn ngữ liệu sau:

+ *Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng được dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.* (Đoàn Giỏi, *Sông nước Cà Mau*).

+ *Đường vô xứ Huế quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

(Ca dao)

– Có thể tổ chức cho HS trao đổi theo cặp kết quả đọc của các em sau khi quá trình đọc trực tiếp kết thúc, trước khi bắt đầu tìm hiểu về nhóm câu hỏi sau khi đọc (*Suy ngẫm và phản hồi*).

Nếu trình độ của HS yếu, GV có thể dạy kĩ năng hình dung tưởng tượng bằng cách vẽ tranh theo cách làm như sau:

– GV chọn ngữ liệu giàu hình ảnh để HS luyện tập kĩ năng tưởng tượng.

– GV mời từ hai đến bốn HS lên bảng vẽ nhanh tưởng tượng của mình từ ngữ liệu (các HS khác vẽ vào vở), sau 10 phút, GV mời HS chia sẻ bức tranh của mình và lí giải tại sao lại vẽ như vậy (dựa vào từ ngữ nào, hình ảnh nào,...).

– Sau đó, GV chốt lại cách làm, đó là để tưởng tượng, ta cần căn cứ vào: (1) các hình ảnh, ngôn từ trong VB, (2) hiểu biết, hình dung của bản thân về các hiện tượng được miêu tả trong VB. Cùng một chi tiết, hình ảnh, mỗi người sẽ có những hình dung riêng, phụ thuộc vào trải nghiệm của từng người nhưng vẫn có những điểm thống nhất, phù hợp với ý nghĩa VB.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIẠN VỀ VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG

1. Yêu cầu cần đạt và câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp của thơ lục bát.	4
Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.	3, 5, 6, 7
Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.	1, 2, 5, 6
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	8

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi/ nhóm nhỏ/ cá nhân để suy nghĩ, trao đổi nhanh với nhau về 2 câu hỏi *Chuẩn bị đọc* bằng kỹ thuật *trình bày 1 phút*.

GV có thể sử dụng kết hợp với phương pháp trực quan bằng cách cho HS xem một số hình ảnh trong SGK hoặc một số hình ảnh khác do GV chuẩn bị có liên quan đến những địa danh được nhắc đến trong các câu ca dao để giúp HS kích hoạt nền.

GV có thể tổ chức nhanh trò chơi “Khám phá vẻ đẹp quê hương”, bằng cách chiếu hình ảnh các cảnh đẹp quê hương lên màn hình và cho HS đoán tên địa danh. Sau trò chơi, GV kết nối với câu hỏi chuẩn bị đọc “*Cụm từ Vẻ đẹp quê hương thường khiến em nghĩ đến điều gì?*”.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV đọc diễn cảm các câu thơ lục bát, hướng dẫn HS cách ngắt nhịp, diễn tả tình cảm tự hào của tác giả dân gian về vẻ đẹp quê hương. Sau đó, tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB trong nhóm hoặc trên lớp. Trong quá trình HS đọc VB, GV cần nhắc HS chú ý đến hệ thống các câu hỏi được trình bày cùng với VB.

Ví dụ như khi đọc xong bài ca dao 1, GV cho HS dừng đọc vài phút để thực hiện kỹ năng tưởng tượng theo gợi ý của câu hỏi 1: Qua dòng ca dao này, hình ảnh kinh thành Thăng Long hiện ra như thế nào trong tâm trí em? Viết ra những gì em đã tưởng tượng được. Sau đó, để kiểm tra việc thực hiện kỹ năng của HS, GV có thể cho HS trao đổi câu trả lời với nhau. Sau khi HS trình bày câu trả lời, GV có thể hỏi HS: Những từ ngữ, hình ảnh nào của dòng ca dao có thể giúp em có được tưởng tượng đó?. GV cần nhắc HS: khi đọc VB, những từ ngữ miêu tả giàu hình ảnh, gợi hình, gợi tả như “mắc cửi, bàn cờ” là những thông tin quan trọng giúp người đọc hình dung, tưởng tượng cụ thể về những điều tác giả đang miêu tả. Trong trường hợp này, với những từ ngữ như “mắc cửi, bàn cờ”, dường như tác giả dân gian có hàm ý miêu tả đường phố Thăng Long dọc ngang, ken dày như các sợi chỉ được mắc trên khung cửi dệt vải, như các ô trong bàn cờ. Tuy nhiên, GV cần cân nhắc thời gian, tránh dừng quá lâu ở hoạt động này vì có thể phá vỡ mạch cảm xúc của HS trong khi đọc. Ở những bài học các VB tiếp theo, HS vẫn tiếp tục được rèn luyện kỹ năng này. Nếu các em đã thực hiện thành thạo rồi thì GV chỉ cần nhắc HS tự lưu giữ kết quả tưởng tượng về VB khi gặp những câu hỏi gợi ý ấy mà không cần phải viết câu trả lời ra giấy hoặc trao đổi kết quả tưởng tượng với nhau.

2.3. Suy ngẫm và phân hỏi

Dựa vào hệ thống câu hỏi, GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu từng bài ca dao rồi khái quát thành những vấn đề lớn của bài học như đặc điểm nội dung và hình thức của các bài ca dao, đặc điểm thơ lục bát, lưu ý khi đọc thơ (tìm hiểu hình ảnh thơ và tình cảm, cảm

xúc của tác giả). Với hệ thống câu hỏi trên, GV có thể sử dụng linh hoạt tùy theo điều kiện thực tế và trình độ nhận thức, khả năng tương tác của HS, cụ thể là:

– *Cách 1:* Sử dụng hệ thống câu hỏi theo đúng trình tự trong SGK (từ câu 1 đến câu 8) để tìm hiểu từng bài ca dao.

– *Cách 2:* Thiết kế lại hệ thống câu hỏi trong SGK theo một trật tự khác bằng các cách như đảo trật tự, tách, ghép một số phần câu hỏi có sẵn lại với nhau để tạo thành hệ thống câu hỏi mới.

Ngoài ra, GV cũng có thể đặt thêm câu hỏi dẫn dắt, gợi mở để hỗ trợ HS giải quyết tốt hơn hệ thống câu hỏi trong SGK.

Các câu hỏi trong SGK có thể được triển khai theo những gợi ý:

Câu hỏi 1: Cần hướng dẫn HS nhận ra hai điểm đặc biệt của bài ca dao thứ nhất là: (1) 13 câu đầu: người đọc được nhân vật trữ tình dẫn dắt dạo chơi qua ba mươi sáu phố phường của Hà Nội xưa với niềm tự hào; (2) 5 câu cuối: sự đồng đúc, nhộn nhịp của phố phường Hà Nội được gợi lên qua những từ ngữ, hình ảnh như “phồn hoa”, “phố giảng mắc cửi”, “đường quanh bàn cờ”; thể hiện tình cảm lưu luyến khi phải xa Long Thành “Người về nhớ cảnh ngân nga”. Khi dạy bài này, GV có thể cho HS xem một số hình ảnh về ba mươi sáu phố phường của Hà Nội xưa để hiểu rõ hơn bài ca dao.

Câu hỏi 2: Hướng dẫn HS nhận biết và phân tích: (1) một vẻ đẹp khác của quê hương: vẻ đẹp về truyền thống giữ nước của dân tộc; (2) hình thức thể hiện độc đáo của bài ca dao: lời hỏi – đáp của chàng trai và cô gái, qua đó, tác giả dân gian giới thiệu những địa danh lịch sử, gắn với với những chiến công lịch sử oanh liệt của dân tộc (chiến công ba lần phá tan quân xâm lược trên sông Bạch Đằng, cuộc khởi nghĩa chống quân Minh của người anh hùng Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn). Từ đó, bài ca dao thể hiện niềm tự hào và tình yêu đối với quê hương, đất nước.

Câu hỏi 3: Hướng dẫn HS nhận biết và phân tích: (1) tác giả dân gian đã dùng điệp từ “có” khi giới thiệu về vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên (núi, đầm, cù lao), gắn với chiến công lừng lẫy của nghĩa quân Tây Sơn, vẻ đẹp của lòng thủy chung, son sắt của người người phụ nữ, vẻ đẹp của một món ăn rất dân dã, quen thuộc với vùng đất này là canh bí đỏ nấu với nước dứa; (2) trình bày cảm nhận của bản thân về vẻ đẹp của Bình Định được thể hiện qua bài ca dao.

Câu hỏi 4: GV có thể sử dụng phương pháp dạy học hợp tác và kỹ thuật phòng tranh để tổ chức cho các nhóm trả lời, trình bày và tự đánh giá lẫn nhau. Trên cơ sở đó, GV giúp HS nhận biết đặc điểm của thơ lục bát được thể hiện qua bài ca dao thứ 3:

Đặc điểm của thể thơ lục bát	Thể hiện trong bài ca dao
Số dòng thơ	4 dòng thơ (2 dòng lục, 2 dòng bát)
Số tiếng trong từng dòng	Mỗi dòng lục có 6 tiếng, mỗi dòng bát có 8 tiếng
Vần trong các dòng thơ	Phụ – cù; Xanh – anh – canh
Nhịp của từng dòng thơ	Dòng 1: 2/4; dòng 2: 4/4; dòng 3: 4/2; dòng 4: 4/4

Câu hỏi 5: Hướng dẫn HS nhận biết và phân tích được: (1) sự trù phú về sản vật mà thiên nhiên đã hào phóng ban tặng cho Đồng Tháp Mười, thể hiện qua điệp từ “sắn” và hình ảnh “cá tôm sắn bắt, lúa trời sắn ăn”; (2) niềm tự hào về sự trù phú của Đồng Tháp Mười.

Các câu 1, 2, 3, 5: GV có thể cho HS thảo luận theo cặp đôi hoặc nhóm nhỏ (4 đến 5 HS) để trình bày, lí giải về các câu hỏi theo cảm nhận của bản thân, qua đó nhận biết nét đặc sắc của từng bài ca dao. Ngoài ra, GV cũng có thể sử dụng kĩ thuật mảnh ghép để tổ chức cho các nhóm HS cùng tìm hiểu về các câu hỏi 1, 2, 3, 5 để tiết kiệm thời gian của tiết học.

Câu hỏi 6: GV cho HS thảo luận để khái quát về đẹp cảnh vật, con người, truyền thống được thể hiện qua bốn bài ca dao; nhận biết tình cảm yêu thương, tự hào về quê hương; chỉ ra những hình ảnh, từ ngữ để chứng minh cho ý kiến của mình.

Câu hỏi 7: GV có thể cho HS thảo luận và điền vào bảng phụ:

Bài ca dao	Từ ngữ, hình ảnh độc đáo	Giải thích
1		
2		
3		
4		

Câu hỏi 8: Cho HS tự do trình bày ý kiến của bản thân và phải giải thích được lí do thích bài nào.

VĂN BẢN 2: VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA

1. Mục tiêu dạy học và câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp của thơ lục bát.	1
Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.	2, 3, 4
Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.	5
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	6

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Câu hỏi 1: GV có thể cho HS chuẩn bị ở nhà, sau đó đến lớp trình bày.

Câu hỏi 2: GV tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm đôi hoặc mời một HS hát một bài hát, đọc một bài thơ về quê hương.

Ngoài ra, GV có thể sử dụng thêm phương pháp trò chơi hoặc kỹ thuật KWL, động não,... để kích hoạt hiểu biết nền của HS về đặc điểm thể thơ lục bát và một số lưu ý khi đọc thơ (đã tìm hiểu ở bài học trước).

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB hoặc GV có thể đọc cùng HS. Khi GV đọc, nhắc nhở HS chú ý cách ngắt nhịp và nhận xét về giọng điệu của bài thơ, từ đó hướng dẫn HS nhận ra giọng điệu ca ngợi, tự hào về quê hương của tác giả.

Khi HS đọc, lưu ý HS hết khổ 1, 2 và 3 thì tạm dừng vài phút để tưởng tượng về phong cảnh và con người Việt Nam cũng như liên hệ giữa những nội dung của các khổ thơ với lịch sử dân tộc. Cần cần nhắc việc có nên cho HS chia sẻ kết quả thực hiện các kỹ năng *tưởng tượng* và *liên hệ* hay không dựa trên điều kiện thời gian và khả năng thực hiện các kỹ năng của HS.

3.3. Suy ngẫm và phân hỏi

Hướng dẫn HS tiếp tục nhận biết đặc điểm của thể thơ lục bát và tình cảm tự hào của tác giả về đất nước được thể hiện trực tiếp qua các câu cảm thán “Việt Nam đất nước ta ơi/ Quê hương biết mấy thân yêu” và thể hiện gián tiếp qua cách tác giả lựa chọn, khắc hoạ các hình ảnh về đất nước, con người Việt Nam.

Hướng dẫn HS nhận diện những hình ảnh tiêu biểu mà tác giả đã lựa chọn để miêu tả đất nước, con người Việt Nam qua việc trả lời câu hỏi 2; từ đó khái quát về 2 vẻ đẹp của quê hương được thể hiện qua bài thơ: *vẻ đẹp cảnh sắc* và *vẻ đẹp con người*. Đối với câu hỏi 3 và 4, GV nên hướng dẫn HS tìm những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ đặc sắc trong các đoạn thơ; trên cơ sở đó chỉ ra tác dụng của chúng để hình dung về những vẻ đẹp của quê hương.

Thông qua bài học này, chú ý hướng dẫn HS rút ra một số lưu ý khi đọc một bài thơ lục bát:

– Chú ý đặc điểm về số tiếng, cách gieo vần, ngắt nhịp, phối thanh của thơ lục bát. Trong trường hợp của bài thơ này, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS nhận ra sự biến thể của thể thơ lục bát (đặc biệt là về cách ngắt nhịp, chẳng hạn như trường hợp dòng thơ “Bao nhiêu đời/ đã chịu nhiều thương đau”, “Đạp quân thù/ xuống đất đen”,...) và mục đích của việc sử dụng những biến thể ấy để thể hiện tình cảm của tác giả đối với quê hương.

– Chú ý tìm hiểu hệ thống hình ảnh được khắc hoạ trong thơ và tình cảm của tác giả được thể hiện qua bài thơ.

Câu hỏi 1: Gọi nhắc HS nhớ lại kiến thức đã học về thể thơ lục bát trong tiết thứ nhất để từ đó, xác định cách gieo vần, ngắt nhịp, phối thanh trong bốn dòng thơ đầu bằng cách điền vào mô hình sau.

Tiếng Dòng	1	2	3	4	5	6	7	8
Lục	-	<i>bằng</i>	-	trắc	-	<i>bằng</i>		
Bát	-	<i>bằng</i>	-	trắc	-	<i>bằng</i>	-	<i>bằng</i>

Câu hỏi 2: Hướng dẫn HS nhận biết: (1) những hình ảnh tiêu biểu cho đất nước và con người Việt Nam; (2) từ đó, nhận ra những vẻ đẹp của quê hương: vẻ đẹp của thiên nhiên, của những người lao động cần cù, chịu khó, của truyền thống đấu tranh bất khuất, của lòng thủy chung, sự tài hoa.

Câu hỏi 3: Để giúp HS hoàn thành câu hỏi này, GV có thể cho HS điền vào phiếu học tập sau:

	Xác định	Tác dụng
Những hình ảnh tiêu biểu
Biện pháp tu từ

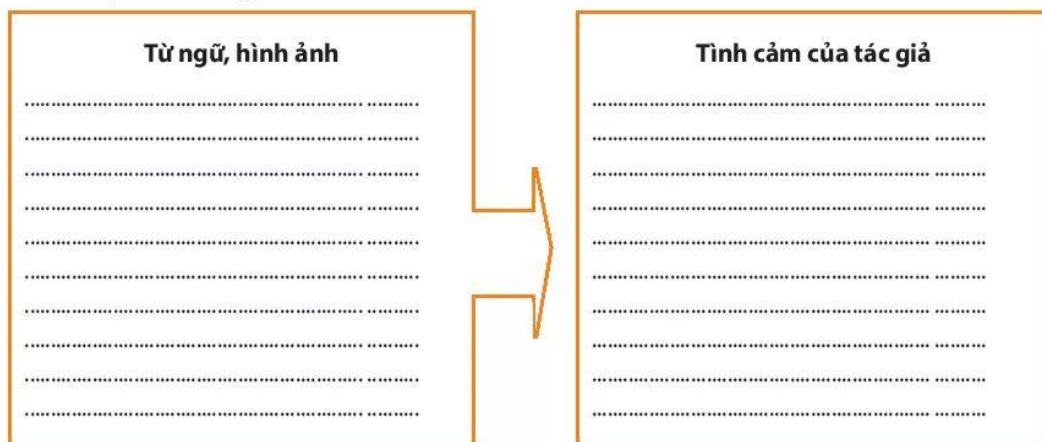
Chú ý hướng dẫn HS phát hiện hình ảnh ẩn dụ “biển lúa”.

Câu hỏi 4: Hướng dẫn HS làm theo nhóm, điền vào phiếu học tập sau để nhận ra tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ, hình ảnh đối với việc thể hiện nội dung:

	Vẻ đẹp của con người Việt Nam	Từ ngữ, hình ảnh thể hiện	Tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh ấy
Vẻ đẹp thứ nhất			
Vẻ đẹp thứ hai			
Vẻ đẹp thứ ba			

Cần chú ý hướng dẫn HS nhận ra những đặc điểm của con người Việt Nam: (1) vất vả, cần cù trong lao động (“mặt người vất vả in sâu”); (2) kiên cường, mạnh mẽ, anh hùng trong chiến đấu (“chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên”, “đạp quân thù xuống đất đen”) nhưng rất đỗi giản dị (“áo nâu nhuộm bùn”), hiền lành (“súng gươm vứt bỏ lại hiền hơn xưa”); (3) thủy chung (“yêu ai yêu trọn tâm lòng thủy chung”), khéo léo, chăm chỉ (“tay người như có phép tiên”, “trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ”).

Câu hỏi 5: Có thể dùng sơ đồ sau để hướng dẫn HS nhận ra một đặc điểm của thơ là ngoài việc thể hiện tình cảm gián tiếp, tác giả còn thể hiện trực tiếp tình cảm của mình đối với sự vật, hiện tượng được miêu tả.



Câu hỏi 6: GV có thể cho HS viết một câu văn ngắn thể hiện suy nghĩ và cảm xúc của các em về quê hương, sau đó cho HS trao đổi với bạn trong nhóm. Tiếp theo, GV mời một vài HS trình bày trước lớp.

ĐỌC KẾT NÓI CHỦ ĐIỂM:

VỀ BÀI CA DAO “ĐỨNG BÊN NI ĐỒNG NGÓ BÊN TÊ ĐỒNG...”

1. Yêu cầu cần đạt

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung bài thơ;
- Liên hệ, kết nối với VB *Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương, Việt Nam quê hương ta* để hiểu hơn về chủ điểm *Vẻ đẹp quê hương*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể cho HS quan sát bức ảnh cánh đồng lúa trong SGK để chia sẻ cảm nhận của mình về bức ảnh. GV cũng có thể khuyến khích HS đọc vài câu ca dao, bài thơ, bài hát về cánh đồng lúa mà em đã biết.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Tổ chức cho HS đọc VB theo nhóm, mỗi em trong nhóm đọc một đoạn. GV đến một vài nhóm đọc cùng HS.

2.2. Suy ngẫm và phân hỏi

Đây là một bài văn nghị luận văn học, trong đó, tác giả trình bày những cách hiểu khác nhau về bài ca dao *Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng, ...* Tuy nhiên, khi dạy bài này, GV không khai thác đặc điểm thể loại mà chỉ hướng dẫn HS nhận biết những cách hiểu của tác giả Bùi Mạnh Nhị về bài ca dao. Lí do: (1) thể loại chủ đạo của chủ điểm về đẹp quê hương là thơ lục bát; (2) HS lớp 6 chưa được học về văn nghị luận. Cần chú ý hướng dẫn HS nhận biết hai tác giả: tác giả dân gian, người viết bài ca dao và tác giả Bùi Mạnh Nhị, người viết bài văn thể hiện cảm nhận về đẹp quê hương trong bài ca dao.

Trước tiên, cho HS đọc bài ca dao (có thể được trình bày trên máy chiếu hoặc bảng phụ) và ghi ngắn gọn hoặc trình bày cảm nhận của mình về bài ca dao. Mục đích của hoạt động này là tạo cho HS cơ hội tự cảm nhận về đẹp quê hương được thể hiện qua VB, để khi đọc bài viết của Bùi Mạnh Nhị, HS hiểu rằng một VB có thể có những cách hiểu khác nhau.

Tiếp theo, cho HS đọc và tìm hiểu bài viết của Bùi Mạnh Nhị, cụ thể là:

Câu hỏi 1: Tổ chức cho HS làm việc theo cặp, tìm những hình ảnh về quê hương trong bài ca dao mà tác giả Bùi Mạnh Nhị cho là đặc sắc (hình ảnh cánh đồng lúa mênh mông, hình ảnh cô gái trẻ trung, duyên dáng trong ánh nắng ban mai).

Câu hỏi 2: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm, xác định những nét độc đáo của bài ca dao mà tác giả Bùi Mạnh Nhị đã chỉ ra trong từng đoạn bằng phiếu học tập sau hoặc cho HS trình bày trên bảng phụ và treo kết quả trên bảng để các nhóm so sánh:

Đoạn	Nét độc đáo của bài ca dao qua cảm nhận của tác giả Bùi Mạnh Nhị
1	Diễn tả tình yêu quê hương đất nước một cách bình dị, sâu sắc.
2
3
4
5

Câu hỏi 3: Hướng dẫn HS tìm những từ ngữ thể hiện cảm xúc của tác giả Bùi Mạnh Nhị khi đọc bài ca dao (đặc biệt là đoạn 5), từ đó nhận xét về cảm xúc của tác giả.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Yêu cầu cần đạt

Lựa chọn được từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

GV xem lại cách hướng dẫn ở phần hướng dẫn tìm hiểu *Tri thức Ngữ văn*.

Nếu đã hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung tri thức ở phần *Tri thức Ngữ văn* thì đến đây, GV có thể tổ chức hoạt động để gợi nhắc cho HS.

3. Thực hành tiếng Việt

Mục đích của những bài tập từ 1 đến 4 là giúp HS vận dụng lí thuyết ở *Tri thức tiếng Việt* vào việc nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của việc lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa trong các VB đọc hiểu đã học trước đó, đồng thời ôn lại kiến thức về điệp từ, so sánh và từ láy mà HS đã học ở Tiểu học. GV có thể tổ chức cho HS thảo luận trong nhóm, hoặc thi đua giữa các nhóm xem nhóm nào tìm ra câu trả lời nhanh nhất, đúng nhất.

Bài tập 1:

a. Có thể cho HS tra từ điển, tìm nghĩa của từ “phồn hoa” (gợi cảnh sống náo nhiệt, giàu có, xa hoa) và “phồn vinh” (thường được dùng để miêu tả đất nước ở vào giai đoạn giàu có, thịnh vượng), sau đó giải thích vì sao dùng từ “phồn hoa” trong câu ca dao trên là phù hợp.

b. Cho HS thảo luận để nhận biết biện pháp tu từ được sử dụng trong câu ca dao “Phổ giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ” là so sánh nhưng đã giản lược từ thường dùng để so sánh “như”. Phép so sánh đầy đủ của câu thơ này là “Phổ giăng như mắc cửi, đường quanh như bàn cờ”. Tác dụng: giúp người đọc dễ dàng hình dung tính chất sẫm uất, đông vui của phố thị.

c. Từ láy “ngắn gọn” được sử dụng trong đoạn ca dao thể hiện trạng thái bị cuốn hút đến ngỡ ngàng của tác giả trước vẻ xa hoa, sẫm uất của phố phường.

d. Từ “bút hoa”: ý muốn nói tài năng xuất sắc của người làm nên những câu thơ này.

Bài tập 2: Trước tiên, GV cung cấp các nghĩa của từ “sẵn”: (1) Ở trạng thái có thể sử dụng hoặc hành động ngay, do đã được chuẩn bị; (2) Có nhiều đến mức cần bao nhiêu cũng có thể có ngay bấy nhiêu. Sau đó, cho HS chọn lựa nghĩa nào phù hợp với câu “Cả tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn”, sau đó lí giải sự phù hợp của nghĩa thứ hai với nghĩa của VB: thể hiện sự trù phú về sản vật mà thiên nhiên vùng Tháp Mười đã hào phóng ban tặng cho con người. Biện pháp tu từ được sử dụng trong bài ca dao trên là điệp từ “sẵn”, có tác dụng nhấn mạnh vào tính chất trù phú, giàu có của thiên nhiên Tháp Mười.

Bài tập 3: GV có thể tổ chức trò chơi cho các nhóm thi đua hoàn thành nhanh nhất bài tập này.

Bài tập 4: Hướng dẫn HS dùng phiếu học tập sau để thực hiện bài tập theo nhóm:

Từ láy	Ý nghĩa
Ngắn gọn	Có ý diễn tả bài ca dao rất ngắn, từ đó nhấn mạnh vào đặc điểm hình thức nổi bật của bài ca dao và giúp người đọc hình dung, liên tưởng rõ nét hơn.
Dân dã, mộc mạc	Nhấn mạnh vào sự chất phác, bình dị, mộc mạc của người dân quê, nơi thôn dã.
Tha thiết, ngọt ngào	Giúp người đọc hình dung rõ nét hơn về âm điệu của bài ca dao.
Thiết tha, băng khuâng, xao xuyến	Giúp người đọc hình dung rõ hơn về cảm xúc của người viết đối với bài ca dao.

VIẾT NGẮN

Đây là bài tập yêu cầu HS sáng tạo, tích hợp vận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc học đọc với việc học tiếng Việt. Hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, theo các bước sau để hoàn thành bài tập này:

– Bước 1: Tìm 5 hoặc 6 hình ảnh về Việt Nam hoặc về quê hương của HS, ghi lại nguồn tìm kiếm hình ảnh.

– Bước 2: Viết đoạn văn từ 150 đến 200 chữ giới thiệu về vẻ đẹp đất nước Việt Nam hoặc vẻ đẹp quê hương em được thể hiện qua các hình ảnh đó.

Tuần tiếp theo, khi HS mang bài viết đã làm ở nhà đến lớp, GV tổ chức cho HS chia sẻ bài viết trong nhóm, bình bầu sản phẩm nào hay nhất dựa trên các yêu cầu: (1) sự phù hợp của hình ảnh với đề bài; (2) sự phù hợp của đoạn văn với nội dung ảnh; (3) dẫn nguồn thông tin rõ ràng về các hình ảnh đã sử dụng. Sau đó, nhóm đề cử một HS đóng vai hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu cho cả lớp về vẻ đẹp của địa điểm này. Hoạt động này được thực hiện trong khoảng nửa tiết học. Sản phẩm của tất cả HS trong lớp được dán lên bảng phụ cho các bạn cùng xem (kỹ thuật phòng tranh).

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: HOA BÌM

1. Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp của thơ lục bát.
- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

2. Thực hành đọc

GV hướng dẫn HS đọc ở nhà, hoàn thành 3 câu hỏi. Sau đó, cho HS chia sẻ bài tập của mình trong nửa tiết, tiếp nối hoạt động chia sẻ về viết ngắn. Qua đó, GV hướng dẫn HS chốt lại những kiến thức về thể loại lục bát. Hoạt động này được tổ chức cùng thời gian với hoạt động cho HS chia sẻ bài viết ngắn.

VIẾT VĂN BẢN

LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

1. Yêu cầu cần đạt

Bước đầu biết làm bài thơ lục bát.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Đầu tiên, GV nêu câu hỏi: Trong bốn bài ca dao đã học, em thích bài nào nhất? Vì sao?, từ đó dẫn dắt vào ý thế nào là bài thơ hay trong mục *Tri thức về kiểu bài*.

Sau đó, GV yêu cầu HS nhắc lại những đặc điểm thể thơ lục bát, trên cơ sở đó, dẫn dắt vào việc sáng tác một bài thơ lục bát.

3. Phân tích kiểu văn bản

Có thể tiến hành theo hai cách:

Cách 1:

- GV trình bày bài *Chăn trâu đốt lửa* lên bảng hoặc màn hình máy tính, lần lượt nêu các câu hỏi hướng dẫn HS nhận biết;
- Vận, nhịp, thanh điệu của bài thơ;
- Cách kể, cách tả và thể hiện cảm xúc của nhà thơ.

Cách 2:

- Mời một nhà thơ chia sẻ với HS cách sáng tác một bài thơ lục bát hoặc xem video clip một nhà thơ nói về hoàn cảnh, cảm hứng sáng tác, ... bài thơ của họ.
- Sau đó, GV yêu cầu HS nêu bài học rút ra về cách làm thơ lục bát.

4. Viết theo quy trình

Bước 1: GV nên giao đề tài cho HS trước khi đến lớp để HS suy ngẫm.

Sau đó, mời một vài HS chia sẻ đề tài mà mình định viết.

Bước 2: Từ đề tài đã xác định, GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài thơ bằng cách điền vào phiếu học tập sau:

Ý tưởng của tôi về bài thơ sẽ viết:

1. Sự việc, con người, cảnh sắc thiên nhiên đã để lại cho tôi cảm xúc sâu sắc là

.....

2. Từ ngữ, hình ảnh nảy sinh trong đầu tôi là.....

3. Tôi viết điều này ra để.....

Bước 3: Hướng dẫn HS dùng bảng trong SGK để điền các từ ngữ, hình ảnh đã có trong phiếu học tập trên vào bảng. Yêu cầu HS viết tối thiểu một cặp gồm 2 câu thơ lục bát.

Bước 4: Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm trong SGK để tự kiểm tra bài thơ của mình, sau đó cho 2 HS chia sẻ với nhau, giúp nhau hoàn thiện bài thơ dựa trên bảng kiểm.

Lưu ý: Không yêu cầu HS làm bài thơ hay, chỉ yêu cầu đúng luật.

VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

1. Yêu cầu cần đạt

- Biết viết đoạn văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài

GV nên giảng giải ngắn về kiểu bài hoặc yêu cầu HS thảo luận, điền vào bảng sau:

Đặc điểm kiểu đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ lục bát

	Hình thức	Nội dung
Đặc điểm		

3. Phân tích kiểu văn bản

GV hướng dẫn HS quan sát VB trong SGK và thảo luận theo hệ thống câu hỏi gợi ý sau:

- Tác giả đoạn văn có sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc không? Dựa vào đâu em có thể xác định được?
- Xác định phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn của đoạn văn.
- Nội dung câu mở đoạn là gì?
- Phần thân đoạn gồm những câu nào và trình bày nội dung gì? Những nội dung đó được người viết trình bày bằng những từ ngữ, câu văn nào trong đoạn?
- Nội dung của câu kết đoạn là gì?
- Đoạn văn có trình bày rõ những cảm xúc của người viết về bài thơ lục bát không? Cơ sở nào để em khẳng định điều đó?
- Từ những nội dung vừa tìm hiểu, em hãy rút ra đặc điểm của đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ lục bát.

Tiếp theo, cho HS đọc đoạn văn lần hai, trả lời các câu hỏi để hiểu rõ hơn đặc điểm của đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ lục bát.

4. Viết theo quy trình

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu)

Trước 1 tuần, GV cho HS chọn bài thơ lục bát mà em yêu thích và muốn viết và dựa vào những hướng dẫn trong SGK để xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Hướng dẫn HS thực hiện các bước trong mục tìm ý, sau đó, dùng phiếu học tập sau để lập dàn ý:

Mở đoạn	Tên bài thơ, tên tác giả.....
	Cảm xúc chung về bài thơ.....
Thân đoạn	Cảm xúc thứ nhất.....
	Bằng chứng
	Cảm xúc thứ hai.....
	Bằng chứng
Kết đoạn	Khẳng định lại cảm xúc.....
	Ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân

Sau đó, cho HS trao đổi dàn ý trong nhóm đôi để HS góp ý cho nhau.

Bước 3: Viết đoạn

GV nhắc HS khi viết bài, cần bám vào dàn ý, đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với đoạn văn để đảm bảo được yêu cầu.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Tổ chức thực hiện bước này theo quy trình sau:

- Yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn.
- Đổi bài với bạn cùng nhóm để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm. Việc chia sẻ đoạn văn sẽ được thực hiện trong giờ nói và nghe.

NÓI VÀ NGHE

1. Yêu cầu cần đạt

Trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.

2. Thực hành nói và nghe

Sử dụng biện pháp động não, yêu cầu HS liệt kê những yếu tố làm nên một bài nói hấp dẫn, thu hút người nghe. Trên cơ sở đó, GV giới thiệu HS mục tiêu của bài học.

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Cho HS 2 phút để trả lời các câu hỏi:

- Yêu cầu của đề tài là gì?
- Người nghe của tôi có thể là ai?
- Mục đích nói của tôi là gì?
- Tôi sẽ nói trong không gian nào?
- Tôi có khoảng bao nhiêu thời gian để nói?

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

GV yêu cầu HS:

- Đọc lại đoạn văn đã viết.
- Xác định các ý.
- Liệt kê các ý bằng cách gạch đầu dòng, ghi cụm từ chính.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Hướng dẫn mỗi HS luyện tập trình bày bài nói của mình dựa trên những gợi ý trong SGK. Trong quá trình HS luyện tập, GV có thể quan sát, lắng nghe và góp ý cho bài trình bày của các em, nhưng tất cả những góp ý chỉ nên mang tính khơi gợi, tránh áp đặt, “can thiệp” sâu vào việc thể hiện ý tưởng của các em và góp ý trên tinh thần khuyến khích, khen ngợi các em. Trong quá trình quan sát HS, GV nên tránh làm các em mất tự nhiên, khiến các em có tâm lý e ngại với việc trình bày bằng lời nói.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

Thành lập nhóm đôi, cho hai em trình bày bài nói cho nhau nghe và góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm.

Sau đó, mời một HS trình bày bài nói cho cả lớp nghe.

ÔN TẬP

Trước khi ôn tập, GV cần hướng dẫn HS tự làm các bài tập trong mục ôn tập. Trong lớp học, GV tổ chức cho HS trình bày các bài tập đã làm.

Cuối giờ, GV nêu lại câu hỏi lớn ở đầu bài học và cho HS vài phút suy ngẫm, viết vài ý trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của những trải nghiệm đối với cuộc sống của HS. Sau đó, có thể mời một vài HS trình bày trước lớp. Hoạt động này giúp cả lớp hiểu bạn mình hơn.